

LỜI BÀN CỦA GIÁO DÂN KHÁT KHAO CHÂN LÝ

Phải có nhà chuyên môn mới hiểu và diễn giải Kinh Thánh chính xác được.

Xin thưa Kinh Thánh viết ra trên giấy trắng mực đen là để phổ biến cho cả nhân loại. Nếu chỉ hữu ích và dễ hiểu cho một nhóm người chuyên môn thì công trình cứu độ của Chúa coi như thất bại vì đại đa số nhân loại không là những người chuyên môn. Vô tri thì bất mộ. Ngoài ra, chính Đức Kitô đã từng nói Ngài đến với những người nghèo hèn thì không lý gì chỉ những bậc chuyên môn mới hiểu được Lời Chúa.

BÀN LUẬN

I. NHẬP ĐỀ:

Trong những cuộc tranh luận về Kinh Thánh, người ta thường gặp hai khuynh hướng cực đoan. Một bên cho rằng chỉ những người có chuyên môn thần học và chú giải mới có thể hiểu và diễn giải Kinh Thánh cách đúng đắn. Bên kia lại nhấn mạnh rằng Lời Chúa dành cho toàn thể nhân loại, nên bất cứ ai đọc Kinh Thánh cũng có thể trực tiếp hiểu và giải thích mà không cần đến chuyên môn hay truyền thống giải thích của Giáo Hội.

Thoạt nhìn, hai quan điểm này có vẻ mâu thuẫn nhau. Nhưng thực ra, mỗi bên đều nắm giữ một phần sự thật. Kinh Thánh quả thật là sách dành cho toàn dân Thiên Chúa chứ không phải tài sản riêng của giới học giả. Tuy nhiên, Kinh Thánh đồng thời cũng là một bộ sách cổ phức tạp, được hình thành qua nhiều thế kỷ, bằng nhiều ngôn ngữ và trong nhiều bối cảnh văn hóa, lịch sử khác nhau. Vì thế, việc nghiên cứu và diễn giải bản văn Kinh Thánh cách chính xác không thể hoàn toàn tách rời khỏi kiến thức chuyên môn.

Vấn đề trở nên rối rắm hơn khi người ta vô tình đồng hóa hai điều khác nhau: “Lời Chúa dành cho mọi người” và “mọi người đều có khả năng ngang nhau trong việc đọc hiểu và chú giải bản văn Kinh Thánh”. Hai điều này không hoàn toàn giống nhau. Ởn cứu độ mang tính phổ quát, nhưng khả năng tiếp cận bản văn luôn bị giới hạn bởi trình độ học vấn, khả năng ngôn ngữ, điều kiện văn hóa và hoàn cảnh xã hội.

Ngay trong thế giới hiện đại, vẫn còn hàng trăm triệu người mù chữ, nhiều dân tộc chưa có hệ thống chữ viết ổn định, và hàng ngàn ngôn ngữ chưa có bản dịch Kinh Thánh. Ngay cả trong Giáo Hội Việt Nam, số linh mục, tu sĩ hay giáo dân có đào tạo chuyên sâu về Thánh Kinh cũng chỉ là một thiểu số rất nhỏ. Những thực tế ấy cho thấy việc tiếp cận và giải thích Kinh Thánh chưa bao giờ là điều đơn giản hay đồng đều giữa mọi người.

Do đó, cần có một cái nhìn quân bình hơn: vừa tôn trọng tính phổ quát của Lời Chúa, vừa nhìn nhận vai trò cần thiết của chuyên môn, truyền thống và cộng đoàn Đức Tin trong việc hiểu Kinh Thánh cách đúng đắn.

II. PHÂN TÍCH

Dựa trên cấu trúc của câu văn thì rõ ràng có hai phần:

A. Phải có nhà chuyên môn mới hiểu và diễn giải Kinh Thánh chính xác được.

B. Xin thưa Kinh Thánh viết ra trên giấy trắng mực đen là để phổ biến cho cả nhân loại. Nếu chỉ hữu ích và dễ hiểu cho một nhóm người chuyên môn thì công trình cứu độ của Chúa coi như thất bại vì đại đa số nhân loại không là những người chuyên môn. Vô tri thì bất mộ. Ngoài ra, chính Đức Kitô đã từng nói Ngài đến với những người nghèo hèn thì không lý gì chỉ những bậc chuyên môn mới hiểu được Lời Chúa.

Không hiểu trong hoàn cảnh nào mà người ‘giáo dân khao khát chân lý’ nhận được câu **‘Phải có nhà chuyên môn mới hiểu và diễn giải Kinh Thánh chính xác được’**. Câu này trong trường hợp bình thường thì nghe có vẻ hơi có lý. Tuy nhiên, nếu nó xảy ra trong một buổi tranh luận giữa một bên có bằng cấp chuyên môn, và một bên không có thì điều dễ hiểu là câu này sẽ gây ra tâm lý tự ti mặc cảm ở bên không có bằng cấp chuyên môn. Nó sẽ giống như tám biển **“Không ‘chuyên môn’ cấm vào”** dán ngay trước mặt người không có bằng cấp chuyên môn, có thể tạo ra sự ghen tức không cần thiết.

Câu ‘*Xin thưa Kinh Thánh viết ra trên giấy trắng mực đen là để phổ biến cho cả nhân loại. Nếu chỉ hữu ích và dễ hiểu cho một nhóm người chuyên môn thì công trình cứu độ của Chúa coi như thất bại vì đại đa số nhân loại không là những người chuyên môn. Vô tri thì bất mộ. Ngoài ra, chính Đức Kitô đã từng nói Ngài đến với những người nghèo hèn thì không lý gì chỉ những bậc chuyên môn mới hiểu được Lời Chúa*’ thì rõ ràng là một câu phản kháng của bên không có bằng cấp chuyên môn. Ý chung chung thì câu này đúng, nhưng phân tích ra thì sẽ thấy câu này có một số lỗ hổng, có thể vì nhiều lý do như không đọc và suy niệm Thánh Kinh kỹ lưỡng, bị rối trí vì đọc nhiều luồng thông tin trái chiều, suy diễn thiếu cơ sở, v.v...

Trong một cuộc tranh luận nếu người ngoài cuộc nói rằng cả hai bên đều có phần đúng thì sẽ dễ bị nói là ‘ba phải’. Tuy nhiên, ở đây chỉ có người trong cuộc tranh luận mới không thấy rằng rõ ràng hai câu (A) và (B) là hai vế của một vấn đề, giống như hai mặt của một đồng tiền. Phải có cả hai thì vấn đề mới được giải quyết cách trọn vẹn. Do người ‘giáo dân khao khát chân lý’ không cho biết bối cảnh cụ thể của lời bàn này, nên phần bàn luận này chỉ có tính chất tổng quát.

A. Phải có nhà chuyên môn mới hiểu và diễn giải Kinh Thánh chính xác được.

a. Sự cần thiết của chuyên môn:

Thông thường việc gì quan trọng thì cũng phải có nhà chuyên môn. Cũng vậy, Kinh Thánh là một đối tượng nghiên cứu phức tạp, liên quan đến cổ ngữ, lịch sử, văn hóa và thần học. Trong mỗi khoa học này lại có nhiều trường phái khác nhau, nên chắc chắn phải có kiến thức chuyên môn, phải được đào tạo tại bài bản thì mới tiến vào được kho tàng văn bản Thánh Kinh.

Tuy nhiên, cũng như các ngành khoa học khác, trong thực tế khoa học Thánh Kinh hiện nay, việc giải thích không phải là một hệ thống thống nhất tuyệt đối, mà chịu ảnh hưởng đồng thời của **(+) nhiều phương pháp nghiên cứu** và **(+) nhiều truyền thống Đức Tin khác nhau**.

+ Phương pháp học thuật: có thể kể đến một số hướng tiếp cận tiêu biểu:

- **Phương pháp lịch sử-ngữ nghĩa (historical-grammatical):** nhấn mạnh việc tìm hiểu nghĩa văn bản theo ngữ pháp, bối cảnh lịch sử và ý định của tác giả. Theo hướng này, người giải thích cố gắng xác định “tác giả muốn nói gì trong bối cảnh nguyên thủy”, và thường có xu hướng giữ nghĩa sát bản văn.
- **Phương pháp phê bình lịch sử (historical-critical method):** là phương pháp thịnh hành trong thần học hiện đại, đặc biệt từ thế kỷ XIX trở lại đây. Trường phái này phân tích Kinh Thánh như một văn bản hình thành qua nhiều giai đoạn, chịu ảnh hưởng của bối cảnh xã hội và truyền khẩu. Vì thế, họ phân biệt giữa “ý nghĩa văn học” và “ý nghĩa thần học”, và thường đọc nhiều đoạn theo hướng biểu tượng hoặc thần học hơn là lịch sử trực tiếp.
- Ngoài ra còn có **các hướng hiện đại như phê bình văn chương, cấu trúc, và phân tích tường thuật**, mỗi hướng nhấn mạnh một khía cạnh khác nhau của bản văn.

+ Các truyền thống Giáo Hội có ảnh hưởng rất nhiều đối với việc nghiên cứu Thánh Kinh, và thường có tiếng nói khá trọng lượng trong việc giải thích ý nghĩa của Kinh Thánh:

- **Truyền thống Công Giáo** thường đặt Kinh Thánh trong tương quan với Thánh Truyền và Huấn quyền, nên việc giải thích có xu hướng nhấn mạnh sự thống nhất giữa bản văn, truyền thống và giáo huấn chính thức.
- **Truyền thống Chính Thống** cũng coi trọng Thánh Truyền, nhưng nhấn mạnh hơn đến cách đọc phụng vụ và các Giáo Phụ Đông phương trong việc hiểu Kinh Thánh.
- **Truyền thống Tin Lành** (đặc biệt từ thời Cải cách) lại nhấn mạnh nguyên tắc “Kinh Thánh tự giải thích Kinh Thánh” (sola Scriptura), nên thường ưu tiên cách đọc trực tiếp bản văn trong tương quan nội tại của Kinh Thánh.

Chính vì có sự khác biệt giữa phương pháp nghiên cứu và truyền thống thần học như vậy, nên cùng một đoạn Kinh Thánh có thể được hiểu và nhấn mạnh khác nhau giữa các trường phái.

Ví dụ, đoạn “Sáng Thế 1–2”:

- Có truyền thống đọc theo nghĩa tương đối lịch sử của trình tự sáng tạo,
- Có truyền thống xem đây chủ yếu là ngôn ngữ biểu tượng mang tính phụng vụ,
- Có truyền thống cố gắng dung hòa cả hai yếu tố.

Hay dụ ngôn “người giàu và Ladarô” (Lc 16,19–31):

- Có truyền thống nhấn mạnh tính giáo huấn luân lý mang nền tảng thực tại đời sau,
- Có trường phái học thuật xem đây là dụ ngôn mang tính biểu tượng thuần túy.

b. Bản văn Kinh Thánh đòi hỏi chuyên môn:

Vì Kinh Thánh vừa gồm nhiều thể loại khác nhau (luật pháp, lịch sử, thơ ca, ngôn sứ, khôn ngoan, thư tín...), vừa do nhiều tác giả và cộng đoàn khác nhau hình thành, lại vừa được một cộng đồng Đức Tin liên tục đọc, cầu nguyện, chú giải và sử dụng trong phụng vụ suốt hàng ngàn năm. Chính vì quá trình hình thành kéo dài như vậy nên việc nghiên cứu Kinh Thánh trở nên rất phức tạp. Một đoạn văn có thể:

- chứa dấu vết của nhiều thời kỳ biên tập,
- phản ánh nhiều lớp truyền thống,
- hoặc được viết cho những hoàn cảnh lịch sử hoàn toàn khác nhau.

Do đó, việc hiểu Kinh Thánh không thể chỉ dừng ở việc đọc bản dịch hiện đại, mà thường đòi hỏi:

- khảo cổ học,
- lịch sử Cận Đông cổ đại,
- ngôn ngữ học,
- nghiên cứu văn bản cổ,
- và truyền thống chú giải tích lũy suốt nhiều thế kỷ.

Điều đó cho thấy vì sao trong khoa học Thánh Kinh tồn tại nhiều trường phái, giả thuyết và tranh luận khác nhau. Một bộ sách được hình thành qua hơn một thiên niên kỷ không thể được giải thích đơn giản như một cuốn sách hiện đại do một tác giả viết trong vài năm. Vì thế, để khoa học Thánh Kinh phát triển tại mỗi quốc gia hay vùng miền, cần có **(+) một đội ngũ chuyên môn đủ mạnh**, đặc biệt là những người thường xuyên cập nhật **(+) ngôn ngữ và các bản dịch địa phương**. Dù Thánh Kinh có thể được nghiên cứu như bất kỳ ngành khoa học độc lập nào, phần lớn **(+) các nghiên cứu vẫn gắn với tôn giáo**, phục vụ cho tín lý, phụng vụ và đời sống đức tin của các tín hữu.

+ Số lượng ‘nhà chuyên môn’: khó đưa ra một con số chính xác cho toàn thế giới, vì ngành Thánh Kinh thường không tồn tại như một “đại học chuyên khoa độc lập”, mà nằm trong:

- khoa thần học,
- khoa tôn giáo học,
- chủng viện, giáo hoàng học viện,
- hoặc các thần học viện.

Tuy nhiên, có thể nói một cách tương đối rằng trên thế giới hiện nay có hàng ngàn đại học, chủng viện và thần học viện có giảng dạy Thánh Kinh ở nhiều cấp độ, nhưng số trung tâm thật sự chuyên sâu và nổi tiếng về nghiên cứu Thánh Kinh thì chỉ vào khoảng vài chục đến hơn một trăm cơ sở lớn. Chẳng hạn:

- Pontifical Biblical Institute (Biblicum) tại Roma — một trong những trung tâm Công Giáo hàng đầu về Thánh Kinh, do Đức Piô X thành lập năm 1909.

- École Biblique et Archéologique Française de Jérusalem tại Jerusalem — nổi tiếng về khảo cổ và chú giải Kinh Thánh.
- Studium Biblicum Franciscanum của dòng Phanxicô tại Jerusalem.

Nếu nhìn những con số này thì dễ có cảm tưởng là số nhà chuyên môn Thánh Kinh rất nhiều, nhưng cứ xem con số linh mục, tu sĩ, và giáo dân Việt Nam có bằng cấp chuyên môn về Thánh Kinh thì có thể suy ra con số ‘chuyên gia Thánh Kinh’ ở nhiều nơi khác.

Hiện nay (2026) Việt Nam có:

- khoảng hơn 8.300 linh mục triều và dòng,
- hàng chục ngàn tu sĩ nam nữ,
- và khoảng 7 triệu giáo dân Công Giáo.

Nhưng trong số đó:

- phần lớn linh mục, tu sĩ, và giáo dân chỉ học Kinh Thánh ở mức căn bản.
- chỉ một số nhỏ đi học chuyên sâu về Thánh Kinh tại Roma, Jerusalem, Paris, Manila hoặc các học viện thần học lớn,
- và số người có học vị chuyên biệt như Licentiate (Cử nhân giáo hoàng), STL, SSD hay Doctorate chuyên về Kinh Thánh thực sự rất ít.

Điều này cũng phản ánh một thực tế rất tự nhiên ở nhiều nước khác trên thế giới là nghiên cứu Kinh Thánh chuyên sâu là một lĩnh vực rất khó, đòi hỏi:

- học ngôn ngữ cổ như Hebrew, Aram và Hy Lạp,
- khả năng nghiên cứu lịch sử, khảo cổ và văn chương cổ,
- nắm được các ngôn ngữ hiện đại như Anh, Pháp, Đức, ...
- cùng điều kiện tài chính và học thuật khá đặc biệt.

Do đó, nếu nói theo nghĩa nghiêm ngặt học thuật, thì số người thực sự có chuyên môn sâu về Kinh Thánh cũng chỉ là thiểu số.

Số lượng các nhà chuyên môn Thánh Kinh của nhiều quốc gia đã khiêm tốn như vậy, họ lại thuộc:

- nhiều trường phái học thuật,
- nhiều truyền thống thần học,
- và nhiều phương pháp chú giải khác nhau.

Cho nên con số những nhà chuyên môn này lại tản mát thành nhiều nhóm khác nhau, mạnh yếu tùy theo thời điểm và các châu lục, và không hẳn có nhóm nào chiếm ưu thế hơn, có ý kiến áp đảo được các nhóm khác. Điều đó cho thấy việc nghiên cứu Kinh Thánh là một lãnh vực học thuật rộng lớn và phức tạp, chứ không phải chỉ là “đọc bản dịch rồi hiểu ngay”. Chính sự tồn tại của hàng ngàn giáo sư, học viện, chương trình tiến sĩ, khảo cổ, ngôn ngữ học và chú giải suốt hơn hai ngàn năm cũng đã cho thấy rằng việc hiểu và diễn giải Kinh Thánh chưa bao giờ là chuyện đơn giản.

+ Giới hạn của ngôn ngữ: Một vấn đề quan trọng khác thường bị bỏ quên là Kinh Thánh không chỉ khó vì nội dung, mà còn khó ngay ở cấp độ ngôn ngữ.

-Bản văn Kinh Thánh nguyên thủy được viết bằng Hebrew, Aram và Hy Lạp cổ. Khi dịch sang các ngôn ngữ hiện đại, không phải lúc nào cũng có thể chuyển tải đầy đủ ý nghĩa của nguyên ngữ. Nhiều từ ngữ trong tiếng cổ mang sắc thái văn hóa, tôn giáo và lịch sử mà ngôn ngữ hiện đại không có từ tương đương hoàn toàn.

Ví dụ, trong tiếng Hebrew có từ **רוח (ruach)**. Từ này có thể mang nhiều nghĩa khác nhau như:

- gió,
- hơi thở,
- thần khí,
- sức sống.

Khi dịch sang tiếng Việt hay các ngôn ngữ khác, người dịch buộc phải chọn một nghĩa tùy theo văn mạch. Nhưng mỗi lựa chọn đều đã bao hàm một cách hiểu và diễn giải nhất định.

Tương tự, trong Hy Lạp cổ có từ **λόγος (logos)**, đặc biệt nổi tiếng trong Phúc Âm Gioan, thường được dịch như sau:

*“Lúc khởi đầu đã có **Ngôi Lời**...” (Ga 1,1).*

Tuy nhiên, *logos* không chỉ đơn giản có nghĩa là “lời nói”. Trong triết học Hy Lạp và văn hóa Do Thái-Hy Lạp, từ này còn có thể mang các nghĩa như:

- lý trí,
- nguyên lý,
- trật tự vũ trụ,
- ý nghĩa tối hậu,
- hay sự khôn ngoan thần linh.

Do đó, khi dịch *logos* thành “Ngôi Lời”, “Word”, “Parole” hay “Verbum”, mỗi ngôn ngữ đều chỉ diễn tả được một phần ý nghĩa phong phú của nguyên ngữ Hy Lạp.

-Ngoài ra, ngôn ngữ của con người luôn thay đổi theo thời gian. Một bản dịch được xem là dễ hiểu cách đây 50 hay 100 năm có thể trở nên khó hiểu hoặc gây hiểu lầm cho độc giả hiện đại. Vì thế, các bản dịch Kinh Thánh thường xuyên phải:

- hiệu đính,
- cập nhật từ ngữ,
- điều chỉnh văn phong,
- và đối chiếu lại với các khám phá khảo cổ hoặc các thủ bản cổ mới.

Chẳng hạn:

- bản Vulgata Latin đã nhiều lần được hiệu đính trong lịch sử Giáo Hội;
- nhiều bản dịch Anh ngữ như *Revised Standard Version*, *Jerusalem Bible*, *American Bible*, ... đều là kết quả của những lần sửa đổi liên tục;
- ngay trong tiếng Việt, các bản dịch cũng đã trải qua nhiều lần cập nhật để phù hợp hơn với ngôn ngữ hiện đại và tiến bộ của khoa học Thánh Kinh.

Điều này cho thấy: bản dịch Kinh Thánh không bao giờ là một công trình “đóng kín” hoàn toàn. Mỗi bản dịch đều phản ánh:

- trình độ ngôn ngữ học của thời đại,

- phương pháp chú giải,
- và phần nào cả truyền thống thần học của người dịch.

Do đó, ngay cả việc “đọc Kinh Thánh bằng tiếng mẹ đẻ” cũng không đơn giản là tiếp xúc trực tiếp với nguyên bản, mà luôn đi qua nhiều tầng trung gian:

- ngôn ngữ,
- dịch thuật,
- chú giải,
- và truyền thống giải thích.

Điều này cho thấy chuyên môn là điều cần thiết, đồng thời phản ánh sự phức tạp và đa dạng ngay trong nội bộ khoa học Thánh Kinh. Bên cạnh đó, những khám phá mới của khoa học và sự biến đổi liên tục của ngôn ngữ cũng khiến việc nghiên cứu và đọc hiểu Thánh Kinh không hề dễ dàng.

+ Sứ điệp của Kinh Thánh không chỉ là vấn đề học thuật: Cũng cần nói thêm một điều rất quan trọng: dù chuyên môn Thánh Kinh cần thiết, nhưng chuyên môn tự nó vẫn chưa đủ để nắm bắt trọn vẹn sứ điệp của Kinh Thánh.

Kinh Thánh không chỉ là một đối tượng nghiên cứu học thuật, mà trước hết là gia tài sống động của cộng đoàn Đức Tin. Người ta có thể rất giỏi ngôn ngữ Hebrew, Aram, hay Hy Lạp, rất thành thạo phương pháp phê bình văn chương hay lịch sử, nhưng điều đó chưa tự động dẫn tới việc hiểu được ý nghĩa thiêng liêng và sứ điệp cứu độ của bản văn.

Chính trong các sách Phúc Âm, khi Đức Giêsu trực tiếp giảng dạy, vẫn có nhiều người không hiểu Người. Vấn đề không do họ thiếu phương pháp chú giải hay thiếu khả năng ngôn ngữ, vì tất cả đều cùng nghe một ngôn ngữ Aram thông dụng thời đó. Điều cản trở họ thường là thái độ nội tâm, định kiến hoặc sự khép kín trước sứ điệp của Thiên Chúa.

Đức Giêsu từng nói với những người Do Thái thông thạo Kinh Thánh:

“Các ông nghiên cứu Kinh Thánh, vì nghĩ rằng trong đó các ông sẽ tìm được sự sống đời đời. Chính Kinh Thánh làm chứng về tôi, nhưng các ông không muốn đến cùng tôi để được sự sống.” (Ga 5,39–40)

Đây là một nghịch lý rất đáng chú ý: các kinh sư và biệt phái là những người nghiên cứu Kinh Thánh kỹ lưỡng nhất thời bấy giờ, nhưng nhiều người trong họ lại không nhận ra chính Đấng mà Kinh Thánh loan báo.

Điều đó cho thấy:

- hiểu văn bản chưa chắc đã hiểu sứ điệp,
- và kiến thức học thuật chưa chắc dẫn tới Đức Tin.

Ngược lại, trong nhiều trường hợp, những người đơn sơ lại đón nhận sứ điệp Phúc Âm dễ dàng hơn. Đức Giêsu từng cầu nguyện:

“Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn.” (Mt 11,25)

Tuy nhiên, điều đó cũng không có nghĩa là ai đọc Kinh Thánh cũng tự động hiểu đúng mọi sự. Sách Công Vụ Tông Đồ kể câu chuyện viên quan người Ethiopia đang đọc sách ngôn sứ Isaia nhưng không hiểu ý nghĩa. Khi thánh Philip hỏi ông có hiểu điều mình đọc không, ông trả lời:

“Làm sao tôi hiểu được, nếu không có người hướng dẫn?” (Cv 8,31)

Sau đó, Philip đã giải thích bản văn ấy dưới ánh sáng Đức Kitô. Câu chuyện này cho thấy hai điều:

- Kinh Thánh cần được giải thích trong cộng đoàn Đức Tin;
- và việc hiểu sứ điệp không chỉ là đọc chữ, mà còn cần sự hướng dẫn, truyền thống và đời sống Đức Tin.

Vì thế, có thể nói:

- nếu chỉ có lòng đạo đức mà thiếu hiểu biết, người ta dễ rơi vào cảm tính hoặc giải thích chủ quan;
- nhưng nếu chỉ có học thuật mà thiếu đời sống Đức Tin, người ta cũng có thể hiểu cấu trúc bản văn mà vẫn không chạm tới sứ điệp cứu độ của Kinh Thánh.

Do đó, việc hiểu Kinh Thánh cách trọn vẹn không chỉ là công việc của học giả, mà là kinh nghiệm sống động của toàn thể cộng đoàn Đức Tin qua:

- phụng vụ,
- đời sống cầu nguyện,
- truyền thống,
- và sự hướng dẫn của Hội Thánh qua nhiều thế hệ.

B. Xin thưa Kinh Thánh viết ra trên giấy trắng mực đen là để phổ biến cho cả nhân loại. Nếu chỉ hữu ích và dễ hiểu cho một nhóm người chuyên môn thì công trình cứu độ của Chúa coi như thất bại vì đại đa số nhân loại không là những người chuyên môn. Vô tri thì bất mộ. Ngoài ra, chính Đức Kitô đã từng nói Ngài đến với những người nghèo hèn thì không lý gì chỉ những bậc chuyên môn mới hiểu được Lời Chúa.

Ý chính của câu này là Lời Chúa dành cho việc cứu độ nhân loại. Tuy nhiên, người nói câu này không phân biệt được LỜI CHÚA và BẢN VĂN Thánh Kinh. Điều quan trọng nhất là người này chưa đọc kỹ và suy niệm Thánh Kinh như một cuốn sách loan truyền chân lý cứu độ, mà chỉ đọc thông tin này từ những nguồn ngoài Thánh Kinh, hay tự suy diễn mà không dựa trên Thánh Kinh.

Nói thẳng ra, nếu người nói câu:

“Phải có nhà chuyên môn mới hiểu và diễn giải Kinh Thánh chính xác được.”

Mà biết người ‘giáo dân khao khát chân lý’ sẽ nói:

“Xin thưa Kinh Thánh viết ra trên giấy trắng mực đen là để phổ biến cho cả nhân loại. Nếu chỉ hữu ích và dễ hiểu cho một nhóm người chuyên môn thì công trình cứu độ của Chúa coi như thất bại vì đại đa số nhân loại không là những người chuyên môn. Vô tri thì bất mộ. Ngoài ra, chính Đức Kitô đã từng nói Ngài đến với những người nghèo hèn thì không lý gì chỉ những bậc chuyên môn mới hiểu được Lời Chúa.”

Thì chỉ cần nói câu:

“Phải ĐỌC KỸ VÀ SUY NIỆM mới hiểu Kinh Thánh được.”

Là có thể sẽ không cần có lời giải thích dài cả chục trang giấy như ngày hôm nay.

Xin phân tích vài điểm chính trong phần góp nhặt hay suy diễn của người ‘giáo dân khao khát chân lý’:

-Kinh Thánh viết ra trên giấy trắng mực đen là để phổ biến cho cả nhân loại.

Câu này nghe có vẻ đúng, nhưng lại (a) không xuất phát từ Phúc Âm, (b) chưa phản ánh đầy đủ thực tế lịch sử và (c) chứa nhiều mơ ước hơn thực tế phức tạp của cuộc sống.

a. Mệnh lệnh truyền giảng của Đức Kitô:

Trước hết, nếu đọc kỹ Phúc Âm thì sẽ thấy Đức Giêsu chưa bao giờ truyền cho các Tông Đồ phải viết sách để truyền đạo. Điều Người truyền dạy là **rao giảng**:

*“Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ... **dạy bảo** họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em.” (Mt 28,19-20)*

*“Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, **loan báo** Phúc Âm cho mọi loài thọ tạo.” (Mc 16,15)*

*“...phải nhân danh Người mà **rao giảng** cho muôn dân...” (Lc 24,47)*

Chính Đức Giêsu cũng không để lại một tác phẩm viết tay nào. Điều đó cho thấy nền tảng ban đầu của Kitô giáo là **rao giảng và truyền khẩu**, chứ không phải trước tiên là sách vở.

Dĩ nhiên, Đức Giêsu không cấm việc viết. Khi thấy cần thiết, các Tông Đồ đã ghi lại một phần lời chứng của mình để củng cố Đức Tin cho các tín hữu. Thánh Gioan nói rất rõ mục đích của việc viết:

“Những điều này đã được ghi chép để anh em tin rằng Đức Giêsu là Đấng Kitô...” (Ga 20,31)

Nhưng cũng chính thánh Gioan khẳng định rằng những điều được viết ra chỉ là một phần rất nhỏ:

“Còn nhiều việc khác Đức Giêsu đã làm; nếu viết lại từng điều một, thì tôi thiết tưởng cả thế gian cũng không chứa nổi các sách viết ra.” (Ga 21,25)

Điểm này rất quan trọng. Toàn bộ bốn sách Phúc Âm cộng lại chỉ khoảng hơn 200 trang sách hiện nay. Nếu đọc liên tục thì chỉ vài giờ là hết. Trong khi đó, Đức Giêsu đã rao giảng suốt nhiều năm, và các Tông Đồ tiếp tục rao giảng hàng chục năm sau đó.

Nói cách dễ hình dung: lượng chữ trong bốn sách Phúc Âm có khi chỉ tương đương vài tháng bài giảng của một linh mục thời nay — mỗi tuần giảng khoảng 10 phút. Điều đó cho thấy đời sống và giáo huấn của Hội Thánh thời đầu không thể chỉ gói gọn trong phần chữ viết còn lưu lại.

Vì vậy, vấn đề không phải là “chỉ cần có sách là ai cũng tự hiểu đúng”, mà là phải đọc kỹ, hiểu bối cảnh, đối chiếu toàn bộ mạc khải và truyền thống tông truyền thì mới có thể diễn giải Thánh Kinh chính xác.

b. Trình độ văn hóa toàn cầu:

Ngoài ra, nói rằng “Kinh Thánh được viết ra để phổ biến cho toàn thể nhân loại” cũng chưa sát thực tế lịch sử.

Suốt phần lớn lịch sử nhân loại, đa số con người không biết đọc và biết viết. Theo các nghiên cứu lịch sử, vào khoảng năm 1820, tỷ lệ biết chữ toàn cầu chỉ khoảng 12%. Đến năm 1900, tỷ lệ này vẫn chỉ hơn 20% một chút.

Chưa kể, hàng ngàn ngôn ngữ trên thế giới suốt nhiều thế kỷ không hề có chữ viết hoặc chưa có bản dịch Kinh Thánh. Ngay cả hiện nay, sau gần 2000 năm Kitô giáo, vẫn còn hàng ngàn ngôn ngữ chưa có trọn bộ Thánh Kinh, thậm chí có ngôn ngữ chưa có nổi một phần Kinh Thánh nào.

Điều đó cho thấy: nếu Thánh Kinh chỉ tồn tại dưới dạng “giấy trắng mực đen”, thì phần lớn nhân loại trong suốt lịch sử sẽ không bao giờ được biết đến Kinh Thánh.

Nhưng thực tế không phải vậy.

Thánh Kinh được truyền đi trước hết bằng việc rao giảng, bằng lời nói, bằng đời sống chứng tá, và bằng chính máu của các vị tử đạo. Lời rao giảng đi trước chữ viết.

Chính Hội Thánh sơ khai đã sống Đức Tin nhiều năm trước khi Tân Ước được hoàn thành. Các cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên đã hiện hữu, đã cử hành phụng vụ, đã chịu bách hại và tử đạo trước khi có đủ bộ Tân Ước như ngày nay.

Tại Việt Nam cũng vậy. Khi các nhà truyền giáo đến, phần đông dân chúng không có điều kiện đọc Kinh Thánh, thậm chí nhiều người còn chưa biết chữ. Đức Tin được truyền lại chủ yếu bằng việc giảng dạy, học giáo lý truyền khẩu, đời sống cộng đoàn,

và chứng tá của các thánh tử đạo Việt Nam. Người ta tin đạo không phải vì được phát một cuốn sách để tự đọc, mà vì được nghe rao giảng và nhìn thấy Đức Tin được sống.

Cho nên, nói cho đúng hơn, Kinh Thánh không phải khởi đi như một “cuốn sách phổ biến đại trà cho mọi người tự đọc”, mà là phần được ghi chép lại từ đời sống Đức Tin và lời rao giảng sống động của Hội Thánh.

Chữ viết phục vụ cho lời rao giảng, chứ không thay thế hoàn toàn lời rao giảng.

c. Vấn đề ngôn ngữ:

Giả sử không có các nhà chuyên môn dịch các bản văn Thánh Kinh ra các ngôn ngữ đương đại, thì những ai muốn đọc Thánh Kinh sẽ phải học ba cổ ngữ: Hebrew, Aram, và Hy Lạp. Vậy thì những bản văn Thánh Kinh trên giấy trắng mực đen sẽ chỉ dành cho những người có khá nhiều thời gian, khả năng trí tuệ cũng như tài chánh.

Điều đó có nghĩa là phần lớn nhân loại muốn đọc Thánh Kinh đều phải lệ thuộc vào công việc của các nhà chuyên môn. Không có việc “ai cầm sách lên đọc là tự hiểu ngay nguyên nghĩa”.

Ngay cả ngày nay, sau gần 2000 năm, công việc dịch Thánh Kinh vẫn chưa hoàn tất. Theo thống kê năm 2026, thế giới có khoảng 7.397 ngôn ngữ, nhưng vẫn còn hơn 3.200 ngôn ngữ chưa có bất kỳ phần nào của Kinh Thánh.

Nhiều dân tộc thậm chí hiện nay còn chưa có hệ chữ viết ổn định, nên việc phổ biến Thánh Kinh dưới dạng “giấy trắng mực đen” lệ thuộc rất lớn vào trình độ văn hóa và phát triển xã hội.

Ngoài ra, việc in ấn đại trà cũng là chuyện rất muộn trong lịch sử. Trước máy in Gutenberg thế kỷ XV, sách phải chép tay nên vô cùng đắt đỏ và hiếm. Một bộ Kinh Thánh thời Trung Cổ có thể mất nhiều tháng hoặc nhiều năm để sao chép bằng tay. Người bình thường hầu như không thể sở hữu sách.

Rồi để đọc và tự nghiên cứu bản dịch Thánh Kinh cách nghiêm túc, người đọc cũng cần có một trình độ học vấn nào đó: biết đọc hiểu tốt, có khả năng theo dõi văn bản dài, hiểu văn phong cổ, biết đối chiếu bối cảnh lịch sử và văn hóa, v.v...

Thêm vấn đề kinh tế. Một cuốn Thánh Kinh in hoàn chỉnh hiện nay thường có giá từ vài trăm ngàn đồng trở lên, chưa kể các sách chú giải hoặc nghiên cứu chuyên sâu còn đắt hơn nhiều. Với phần lớn người nghèo trong lịch sử nhân loại — những người còn đang lo cơm áo gạo tiền từng ngày — việc mua sách là điều xa xỉ.

Ngay cả các tổ chức phát Thánh Kinh miễn phí cũng phải dựa vào việc gây quỹ, đào tạo dịch giả, in ấn, vận chuyển, và xây dựng mạng lưới truyền giáo. Điều đó càng cho thấy việc loan báo Phúc Âm chưa bao giờ chỉ đơn giản là “in sách ra cho mọi người tự đọc”.

Thực tế lịch sử của Kitô giáo là: lời rao giảng đi trước chữ viết.

Cho nên, nếu nhìn đúng theo lịch sử Kitô giáo, thì ‘Thánh Kinh trên giấy trắng mực đen’ không phải là phương tiện đầu tiên để truyền bá Đức Tin. Chữ viết là phương tiện quý giá để lưu giữ và hỗ trợ Đức Tin; còn nền tảng ban đầu vẫn là lời rao giảng sống động của Hội Thánh.

- Nếu chỉ hữu ích và dễ hiểu cho một nhóm người chuyên môn thì công trình cứu độ của Chúa coi như thất bại vì đại đa số nhân loại không là những người chuyên môn.

Câu nói này đặt ra một giả định hơi sai ngay từ đầu: rằng nếu Thánh Kinh không “dễ hiểu cho mọi người theo nghĩa học thuật”, thì công trình cứu độ của Thiên Chúa thất bại.

Thực ra Kitô giáo chưa bao giờ dạy như vậy.

a. Cần phân biệt “hữu ích” là hữu ích theo nghĩa nào.

Nếu chỉ cần biết chữ và cầm sách lên đọc là đủ để hiểu đúng và đạt ơn cứu độ, thì tại sao ngay cả những người chuyên nghiên cứu Thánh Kinh cũng thường xuyên bất đồng với nhau?

Các học giả Thánh Kinh học tiếng Hebrew, Aram, Hy Lạp nhiều năm; nghiên cứu lịch sử, khảo cổ, văn hóa Cận Đông cổ đại; vậy mà giữa họ vẫn có vô số tranh luận về ý nghĩa bản văn, bối cảnh, cách dịch và cách giải thích.

Hơn nữa, rất nhiều người nghiên cứu Thánh Kinh hoàn toàn không phải vì Đức Tin hay ơn cứu độ. Có người nghiên cứu vì lý do học thuật, khảo cổ, ngôn ngữ học, lịch sử văn minh, hoặc đơn giản vì nghề nghiệp. Không ít học giả Thánh Kinh là người bất khả tri (agnostic), vô thần, hay không thực hành bất kỳ tôn giáo nào. Họ có thể hiểu cấu trúc ngữ pháp Hy Lạp rất sâu, nhưng điều đó không tự động dẫn họ đến Đức Tin. Như vậy, rõ ràng việc “đọc được văn bản” hay “nghiên cứu chuyên môn” không đồng nghĩa với việc đón nhận ơn cứu độ.

Ngược lại, rất nhiều Kitô hữu đơn sơ trong lịch sử không hề biết Hebrew, Aram hay Hy Lạp, thậm chí không biết đọc, nhưng vẫn sống Đức Tin sâu sắc và trở thành thánh.

Điều đó cho thấy cốt lõi của ơn cứu độ không phải là khả năng tự mình phân tích văn bản cổ, mà là việc đón nhận Phúc Âm qua lời rao giảng, đời sống Hội Thánh, Đức Tin và ân sủng của Thiên Chúa.

b. Cần làm rõ “dễ hiểu” nghĩa là gì.

Nếu “dễ hiểu” có nghĩa là ai đọc cũng tự hiểu đúng hoàn toàn, thì thực tế lịch sử cho thấy điều đó không xảy ra.

Ngay cả hiện nay, giữa các nhóm Kitô giáo vẫn tồn tại nhiều cách giải thích khác nhau về cùng một đoạn Thánh Kinh. Đó là vì Thánh Kinh không phải một cuốn sách phổ thông đơn giản, mà là một bộ sách gồm nhiều thể loại văn chương, được viết

qua nhiều thế kỷ, bằng nhiều cổ ngữ, trong những bối cảnh văn hóa rất xa với con người hiện đại.

Việc nắm vững Hebrew, Aram và Hy Lạp cổ chưa bao giờ là chuyện dễ. Ngay cả việc đọc bản dịch phổ thông cũng đòi hỏi trình độ đọc hiểu nhất định, chưa kể cần kiến thức lịch sử, văn hóa và thần học để tránh hiểu sai.

Mà đa số nhân loại trong lịch sử lại không có những điều kiện đó:

- Không biết chữ.
- Không có sách.
- Không có bản dịch.
- Không đủ khả năng tài chính để sở hữu sách.
- Không có thời gian hay trình độ để nghiên cứu văn bản cổ.

Nếu Thiên Chúa chỉ cứu những ai đủ khả năng tự đọc và tự giải thích sách thánh, thì phần lớn nhân loại trong suốt lịch sử đã không có cơ hội.

Nhưng Kitô giáo chưa bao giờ dạy như vậy.

Phúc Âm được truyền đi trước hết bằng việc rao giảng, phụng vụ, đời sống cộng đoàn, chứng tá và truyền thống tông truyền. Chính các Tông Đồ được sai đi để “rao giảng”, chứ không phải để phát sách cho dân tự nghiên cứu.

Thánh Kinh rất quan trọng, nhưng trong lịch sử Kitô giáo, Thánh Kinh luôn sống trong lòng đời sống Hội Thánh, chứ không tồn tại như một cuốn sách tự vận hành độc lập ngoài cộng đoàn Đức Tin.

Cho nên, nói “nếu cần người chuyên môn thì công trình cứu độ thất bại” là đặt sai vấn đề.

Người chuyên môn cần thiết để dịch thuật, nghiên cứu, bảo tồn và giải thích chính xác bản văn. Nhưng ơn cứu độ không chỉ đến qua khả năng học thuật đọc văn bản, mà qua việc con người gặp gỡ Phúc Âm được rao giảng và được sống trong đời sống Đức Tin.

-Vô tri thì bất mộ

Câu “vô tri thì bất mộ” có một phần đúng: con người càng hiểu biết về Thiên Chúa thì càng dễ yêu mến Ngài hơn. Nhưng nếu dùng câu đó để kết luận rằng “không đọc Thánh Kinh thì không thể mộ đạo”, thì đó là một nhãn quan quá hẹp và không phù hợp với thực tế lịch sử Kitô giáo.

a.Đức Tin có trước hay Kinh Thánh có trước ?

Cần phân biệt giữa “biết chữ”, “biết Thánh Kinh”, và “mộ đạo”.

Trong suốt gần 2000 năm lịch sử Kitô giáo, phần lớn tín hữu không có điều kiện sở hữu hay tự đọc Thánh Kinh:

- nhiều người mù chữ,

- nhiều nơi chưa có bản dịch,
- sách rất đắt,
- xã hội chưa phát triển in ấn,
- dân chúng còn lo miếng cơm manh áo.

Tại Việt Nam cũng vậy. Rất nhiều giáo dân thời xưa không hề có một cuốn Thánh Kinh riêng trong nhà. Nhưng điều đó không ngăn họ sống đạo sốt sắng, hy sinh, và thậm chí tử đạo vì Đức Tin. Các thánh tử đạo Việt Nam đâu phải chết vì đã tự nghiên cứu Hebrew hay Hy Lạp cổ. Các ngài tin Chúa nhờ được nghe rao giảng, học giáo lý, sống đời cầu nguyện và chứng kiến Đức Tin nơi cộng đoàn Hội Thánh.

Ngược lại, cũng có nhiều người biết Thánh Kinh rất sâu mà hoàn toàn không mộ đạo. Có những giáo sư đại học nghiên cứu Kinh Thánh cả đời dưới góc độ văn học, lịch sử hay ngôn ngữ học, nhưng không tin Thiên Chúa, hoặc không thực hành tôn giáo nào cả. Họ có thể phân tích cấu trúc câu Hy Lạp rất giỏi, nhưng điều đó không tự động sinh ra lòng yêu mến Thiên Chúa.

Điều này cho thấy kiến thức tôn giáo ('tri') không phải luôn luôn dẫn đến đời sống Đức Tin ('mộ').

Thánh Kinh là nguồn rất quan trọng, nhưng không phải là con đường duy nhất để con người nhận biết Thiên Chúa.

Con người còn có thể nhận biết và tôn thờ Thiên Chúa qua:

- công trình tạo dựng,
- lương tâm,
- đời sống cầu nguyện,
- lời rao giảng,
- phụng vụ,
- chứng tá của các tín hữu,
- đời sống bác ái,
- và chính kinh nghiệm sống Đức Tin.

Thánh Phaolô từng nói rằng con người có thể nhận ra Đấng Tạo Hóa qua các công trình của Ngài trong thế giới tự nhiên (Rm 1,20).

Nhiều vị thánh cũng gọi thiên nhiên là “cuốn sách lớn” nói về Thiên Chúa. Người nông dân đơn sơ ngắm bầu trời, mùa màng, sự sống và cái chết, đôi khi cảm nhận về Thiên Chúa sâu sắc hơn một người chỉ nghiên cứu văn bản bằng lý trí.

Cho nên, nói đúng hơn:

- Thánh Kinh rất quan trọng.
- Đọc và suy niệm Thánh Kinh là điều rất quý giá.
- Hiểu biết giúp Đức Tin trưởng thành hơn.

Nhưng Thiên Chúa không bị giới hạn vào chữ viết.

Nếu chỉ những ai đủ khả năng đọc và tự nghiên cứu Thánh Kinh mới có thể mộ đạo, thì phần lớn các Kitô hữu trong lịch sử đã không thể nên thánh. Nhưng thực tế hoàn toàn ngược lại.

Con người cần tất cả những phương tiện Thiên Chúa ban:

- lời rao giảng,
- đời sống Hội Thánh,
- phụng vụ,
- chứng tá các thánh,
- thiên nhiên,
- lương tâm,
- và cả Thánh Kinh.

Không nên tuyệt đối hóa một phương tiện rồi xem nhẹ tất cả những phương tiện còn lại.

b. “Không biết Thánh Kinh là không biết Đức Kitô”

Câu nổi tiếng của thánh Giêrôm rất sâu sắc, nhưng cũng rất dễ bị hiểu theo kiểu cực đoan hoặc giản lược.

Trước hết, thánh Giêrôm không hề muốn nói rằng:

- ai không tự đọc được Thánh Kinh thì không thể biết Chúa,
- hay chỉ những người giỏi Kinh Thánh mới được cứu độ.

Nếu hiểu như vậy thì sẽ mâu thuẫn với toàn bộ lịch sử Kitô giáo, vì phần lớn các Kitô hữu trong gần 2000 năm không có điều kiện sở hữu hay tự nghiên cứu Thánh Kinh.

Điều thánh Giêrôm muốn nhấn mạnh là: Thánh Kinh là chứng tá nền tảng và đặc biệt quan trọng về Đức Kitô; càng hiểu Thánh Kinh, con người càng hiểu sâu hơn về Chúa Kitô. Điều đó hoàn toàn đúng.

Ví dụ:

- muốn hiểu Đức Giêsu là Đấng Mê-sia thì phải biết các lời tiên tri Cựu Ước,
- muốn hiểu ý nghĩa Thập Giá thì phải đọc Phúc Âm và các thư Tông Đồ,
- muốn hiểu giáo huấn của Đức Kitô thì phải nghe lời Người qua Thánh Kinh.

Nói cách khác, Thánh Kinh là một con đường rất quan trọng để nhận biết Chúa Kitô cách sâu xa và trưởng thành hơn trong Đức Tin. Nhưng “biết Chúa Kitô” trong truyền thống Kitô giáo không chỉ là biết văn bản hay biết kiến thức.

Cho nên cần hiểu câu của thánh Giêrôm theo nghĩa tích cực và quân bình:

- Thánh Kinh là nguồn rất quan trọng để nhận biết Chúa Kitô.
- Người Kitô hữu không nên thờ ơ với Thánh Kinh.
- Càng đọc và suy niệm đúng đắn, Đức Tin càng trưởng thành.

Nhưng điều đó không có nghĩa:

- chỉ ai tự đọc và tự nghiên cứu Thánh Kinh mới biết Chúa,
- hay Thiên Chúa bị giới hạn vào chữ viết.

Chính trước khi Tân Ước được hoàn thành, người ta đã biết Chúa Kitô qua lời rao giảng của các Tông Đồ và đời sống Hội Thánh.

Vì thế, nói đúng hơn: Thánh Kinh giúp ta biết Chúa Kitô cách sâu xa, rõ ràng và phong phú hơn; nhưng việc biết Chúa Kitô không chỉ diễn ra qua hành vi tự đọc văn bản, mà còn qua toàn bộ đời sống Đức Tin và ân sủng Thiên Chúa hoạt động nơi con người.

-Chính Đức Kitô đã từng nói Ngài đến với những người nghèo hèn thì không lý gì chỉ những bậc chuyên môn mới hiểu được Lời Chúa.

Câu này đúng một phần, nhưng đang đánh đồng giữa “Lời Chúa” với “khả năng tự mình đọc và giải thích bản văn Thánh Kinh”.

a. Đức Kitô đến với tất cả mọi người

Trước hết, Đức Kitô không chỉ đến với người nghèo hèn, mà đến với tất cả mọi người.

Đúng là Phúc Âm đặc biệt quan tâm đến người nghèo, bé mọn và bị bỏ rơi. Nhưng trong Phúc Âm, Đức Giêsu cũng đến với:

- các đạo sĩ phương Đông là giới trí thức,
- Nicôđêmô là người thông luật,
- Giuse Arimathê là người giàu có và có địa vị,
- viên đại đội trưởng Rôma,
- Matthêu là người thu thuế,
- giới lãnh đạo tôn giáo.

Nói cách khác, Đức Kitô đến để cứu mọi người, chứ không thuộc riêng một tầng lớp xã hội nào.

b. Mọi con đường đều dẫn đến Rôma

Ngày xưa Đế Quốc Rôma đã xây dựng đường sá cuối cùng sẽ dẫn về thủ đô nên ngày nay người ta thường dùng câu này với nghĩa bóng: Thiên Chúa soi sáng cho con người đến với Ngài bằng nhiều con đường, chứ không chỉ qua việc đọc Thánh Kinh.

Con người có thể nhận biết Thiên Chúa qua:

- thiên nhiên và công trình tạo dựng,
- lương tâm,
- lời rao giảng,
- đời sống phụng vụ,
- chứng tá của các tín hữu,
- đời sống bác ái,
- kinh nghiệm thiêng liêng,
- và cả việc đọc, suy niệm Thánh Kinh.

Trong lịch sử, đa số Kitô hữu không có điều kiện tự đọc Thánh Kinh, nhưng họ vẫn đến với Chúa và nên thánh nhờ nghe Phúc Âm được rao giảng và được sống trong cộng đoàn Hội Thánh. Điều đó cho thấy Thiên Chúa không bị giới hạn vào chữ viết.

c. Ơn cứu độ và bản văn Thánh Kinh là hai phạm trù riêng biệt

Điểm thứ ba cần phân biệt rõ: Lời Chúa theo nghĩa sứ điệp cứu độ thì dành cho mọi người; còn bản văn Thánh Kinh là một bộ sưu tập văn bản cổ cần những điều kiện nhất định để đọc và giải thích chính xác.

Đây là hai chuyện khác nhau.

Sứ điệp cốt lõi của Phúc Âm — mến Chúa, yêu người — có thể được người bình dân đón nhận qua lời rao giảng và đời sống Đức Tin.

Nhưng để đọc và giải thích chính xác toàn bộ bản văn Thánh Kinh thì lại cần:

- ngôn ngữ,
- lịch sử,
- văn hóa,
- bối cảnh,
- khả năng đọc hiểu,
- và nhiều khi cả chuyên môn.

Ngay trong Thánh Kinh, thánh Phêrô cũng nói có những đoạn thư của thánh Phaolô “khó hiểu”, dễ bị giải thích sai (2 Pr 3,16).

Cho nên, nói rằng “không lý gì chỉ bậc chuyên môn mới hiểu được Lời Chúa” là đúng nếu đang nói về khả năng đón nhận ơn cứu độ và sống Phúc Âm.

Nhưng nếu từ đó suy ra rằng ai cũng có thể tự mình đọc và giải thích toàn bộ Thánh Kinh cách chính xác mà không cần kiến thức, bối cảnh hay truyền thống Đức Tin, thì điều đó lại không đúng với thực tế lịch sử cũng như chính kinh nghiệm của Kitô giáo.

III. KẾT LUẬN:

Khi sai các Tông Đồ đi rao giảng, Đức Giêsu không trao cho họ cuốn Thánh Kinh hay tài liệu nào. Người ban cho họ Thánh Thần và nói:

“Nhu Chúa Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai anh em.” Nói xong, Người thổi hơi vào các ông và bảo: ‘Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần...’” (Ga 20,21-22)

Chính Thánh Thần — “Đấng bởi Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con mà ra” — đã hướng dẫn Hội Thánh loan báo Phúc Âm suốt hai ngàn năm qua bằng nhiều phương thế sống động, chứ không chỉ qua văn tự, và cho tất cả mọi người, cho mọi loài thụ tạo (Mc 16, 15).

Lịch sử nhân loại cũng cho thấy từ rất sớm con người đã mang trong mình những khái niệm tôn giáo phổ quát. Chẳng hạn, vào thời Ai Cập cổ đại, pharaoh Akhenaten đã tin rằng thần Aten chiếu ánh sáng cho tất cả mọi loài.

<https://en.wikipedia.org/wiki/Atenism>

Trong một câu chuyện phỏng theo thời ấy, người ta kể rằng:

Ngày xưa, khi sông Nile còn hát giữa những cánh đồng xanh và kim tự tháp chưa phủ bụi thời gian, người Ai Cập tin rằng trên bầu trời có một vị thần tên là Aten.

Aten không mang hình người. Ngài không cầm quyền trượng, không mặc áo vàng, cũng không ngồi trên ngai báu giữa mây trời.

Aten là Mặt Trời.

Mỗi sáng, khi đường chân trời còn tím sẫm, Aten mở đôi mắt lửa của mình. Ánh sáng đầu tiên trượt qua mặt nước Nile, đánh thức chim chóc trong rừng lau, đánh thức cá dưới sông, đánh thức cả những hạt lúa đang ngủ dưới đất phù sa.

Người nông dân nghèo ở bờ sông ngẩng đầu mỉm cười vì biết mùa màng sẽ lớn lên nhờ ánh sáng ấy.

Trong cung điện, Pharaoh cũng bước ra ban công đón bình minh. Vị vua quyền lực nhất Ai Cập hiểu rằng dù mình có ngồi trên ngai vàng bằng vàng ròng, ông vẫn cần ánh mặt trời như mọi người khác.

Ánh sáng Aten không phân biệt ai.

Ngài soi lên vương miện của Pharaoh.

Ngài cũng soi lên đôi chân trần của đứa trẻ chăn dê.

Ngài làm nóng lưng sư tử trong sa mạc.

Ngài hong khô đôi cánh chim cò quăm bên bờ sông.

Ngài khiến hoa sen nở trên mặt nước.

Ngài khiến những đàn cá bạc lấp lánh dưới dòng Nile.

Một hôm, Pharaoh hỏi vị tư tế già:

— Vì sao Aten ban ánh sáng cho cả kẻ nghèo lẫn người giàu? Vì sao ngài không chỉ ưu ái nhà vua?

Vị tư tế cúi đầu đáp:

— Bởi mặt trời không thuộc riêng ai. Nếu Aten chỉ soi cho cung điện, ngoài kia đồng ruộng sẽ chết khô. Nếu Aten chỉ soi cho con người, chim muông và cây cỏ sẽ lụi tàn. Khi mọi sự sống đều cần ánh sáng, Aten phải yêu thương tất cả như nhau.

Pharaoh im lặng rất lâu.

Ngày hôm ấy, ông rời cung điện, đi dọc bờ sông Nile. Ông thấy trẻ nhỏ đang nô đùa dưới nắng, thấy trâu kéo cày trên ruộng, thấy cá sấu nằm sưởi bên bãi cát vàng.

Tất cả đều sống dưới cùng một mặt trời.

Từ đó, Pharaoh ra lệnh mở kho lúa giúp dân nghèo vào mùa hạn. Ông nói:

— Nếu Aten không giữ ánh sáng cho riêng mình, ta cũng không nên giữ mọi của cải cho riêng ta.

Người dân kể rằng hôm ấy mặt trời sáng hơn thường lệ.

Buổi chiều, Aten hạ thấp ánh vàng xuống mặt sông. Cả Ai Cập đỏ rực như được phủ bằng mật ong nóng.

Chim chóc bay về tổ.

Muông thú tìm nơi nghỉ.

Con người trở về bên gia đình.

Và trước khi màn đêm khép lại, Aten vẫn để những tia sáng cuối cùng chạm lên mọi mái nhà, như lời chúc bình yên dành cho muôn loài.

Từ đó, nhiều người hiểu rằng chân lý thiêng liêng không phải là “miếng bánh nhỏ” để ai giành được thì người khác phải mất. Không phải hễ tôi đúng thì anh sai, hay chị được soi sáng thì em bị bỏ quên.

Ánh sáng của Thiên Chúa luôn rộng hơn khả năng hiểu biết của từng người; và mọi người — từ bậc hiền triết đến người dân quê chất phác — đều có thể đón nhận ánh sáng ấy theo khả năng và tấm lòng của mình.

